

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 767/2018/KDTM-PT

Ngày: 21/8/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vận
chuyển hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Toại.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

2. Ông Ngô Thanh Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 7 và ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2016/KDTM-ST ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị Công ty Cổ phần Ô tô V kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2693/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4783/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: 12 đường số 10, KCN Việt Nm- Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Tân T, sinh năm 1991; CMND số 230807018 cấp ngày 21/9/2009 tại Công an tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Phòng 302, Số 9 đường P, phường Đ, Quận B, TP.HCM (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Quỳnh N, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV An Luật- thuộc Đoàn Luật sư TP.HCM.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Ô tô V.

Địa chỉ: Lầu 8, Số 39 đường H, Phường N, Quận M, TP.HCM

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1953, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 57/29 đường B, Phường E, quận T, TP.HCM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Kinh Luân- thuộc Đoàn Luật sư TP.HCM.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Đông T.

Địa chỉ: 519/1 đường số D, Phường A, quận A, TP.HCM

- Ông Cao Thanh L.

Địa chỉ: 84/16/29 đường T, phường B, quận B, TP.HCM

(Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa. Riêng ông Cao Thanh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Võ Đông T triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**** Đại diện Nguyên đơn trình bày:***

Ngày 09/9/2010, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt Công ty A) và Công ty Cổ phần Ô tô V (sau đây gọi tắt Công ty V) có ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 92/HĐVCHH (sau đây gọi tắt Hợp đồng 92). Theo đó, Công ty V chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa bằng xe tải, nhận vận chuyển từ kho của Công ty A để giao hàng đến các đại lý, nhà phân phối hoặc người nhận theo phiếu kiểm kê hàng hóa theo yêu cầu của Công ty A. Hàng hóa là các loại đồ uống được đóng gói thành từng thùng carton do Công ty A sản xuất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã vi phạm hợp đồng do không giao hàng hóa đến đúng nơi mà Công ty A yêu cầu dẫn đến thất thoát hàng hóa của công ty. Công ty A đã tiến hành tự tìm hiểu thì được biết: Công ty A đã giao từng lô hàng cho người của Công ty V theo các phiếu kiểm kê hàng do Công ty A phát hành để Công ty V giao hàng đến nhà phân phối, đại lý theo tên và địa chỉ được in sẵn trên phiếu giao hàng nhưng Công ty V đã không thực hiện theo đúng Hợp đồng cũng như hướng dẫn của Công ty A. Sự việc chỉ được phát hiện khi bộ phận kế toán của Công ty A nhận thấy số dư nợ tăng lên bất thường mà không nhận được tiền thanh toán từ khách hàng. Đồng thời, Công ty A đã chủ động liên lạc với các nhà phân phối, đại lý là người nhận hàng theo phiếu giao hàng thì phát hiện lô hàng đã không được giao đến địa chỉ của người nhận hàng

hoặc người nhận hàng hoàn toàn không tồn tại theo như phiếu giao nhận hàng. Các địa chỉ và danh sách nhà phân phối, đại lý là giả mạo hoặc không tồn tại đều do ông Võ Đông T (nguyên là Giám đốc kinh doanh toàn quốc của Công ty A) và ông Cao Thanh L (nguyên là nhân viên bán hàng khu vực của Công ty A) cung cấp cho Công ty V. Sau khi nhận số hàng để vận chuyển, thay vì phải thông báo và trả lại hàng cho Công ty A khi không giao được hàng theo địa chỉ hoặc không tìm được địa chỉ của khách hàng thì Công ty V đã chở hàng đi và tự định đoạt số hàng này mà không hoàn trả lại lô hàng cho Công ty A.

Tổng số hàng hóa mà Công ty V làm thất thoát và sau đó đã được hai bên thống nhất theo bảng đối chiếu công nợ ngày 14/3/2014 thì Công ty V phải thanh toán số tiền bồi thường cho Công ty A là 7.191.510.000 đồng.

Từ những lý do trên, Công ty A yêu cầu Công ty V, ông Võ Đông T và ông Cao Thanh L có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền bồi thường làm mất hàng hóa với số tiền là 7.191.510.000 đồng. Đồng thời, ba bên này phải trả lãi phát sinh chậm thanh toán tính trên số tiền nêu trên từ ngày 14/3/2014 đến ngày xét xử theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Công ty A không xác định cụ thể trách nhiệm của từng bên là Công ty V, ông T và ông L phải trả là bao nhiêu nên yêu cầu cả ba bên cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho đến khi hết số nợ trên.

Công ty A xác định vợ ông Võ Đông T và vợ ông Cao Thanh L không liên quan gì đến vụ án, không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền trên nên đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông Võ Đông T và vợ ông Cao Thanh L trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa những người này vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các ông L và ông T có khai bà N và bà B cùng là nhân viên của Công ty A biết hai ông hoàn toàn không có quyền ra lệnh xuất kho hay giao hàng đến đại lý nào như lời trình bày của công ty. Công ty A không biết bà N và bà B là ai. Công ty A cũng không khởi kiện hay yêu cầu gì đối với bà N và bà B trong vụ án này nên Công ty A đề nghị Tòa án không triệu tập bà N, bà B tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trên. Đồng thời, nguyên đơn trình bày thêm về qui trình giao hàng vận chuyển hàng hóa như sau: Khi khách hàng đặt hàng thì ông L ghi nhận thông tin khách hàng, sau đó giao danh sách khách hàng cho ông T phê duyệt rồi giao lại danh sách đã phê duyệt cho ông L. Ông L ký xác nhận lại danh sách đã được phê duyệt và chuyển đến kho để kho xuất hàng cho nhà vận chuyển là Công ty V. Công ty V vận chuyển số hàng này giao cho khách hàng theo phiếu kiểm hàng. Trường hợp không giao được hàng thì Công ty V phải trả lại hàng cho Công ty A nhưng Công ty V lại không trả lại số hàng không giao được dẫn đến việc thất thoát hàng hóa nên phải có trách nhiệm bồi thường. Do có sự cấu kết của ông L, ông T với Công ty V dẫn đến thất thoát hàng hóa của Công ty A nên Công ty V, ông L và ông T phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán trị giá hàng hóa thất

thoát thiệt hại cho Công ty A. Công ty A xác định không có văn bản quyết định phân công trách nhiệm làm căn cứ chứng minh cho qui trình này. Công ty A yêu cầu Công ty V, ông L và ông T cùng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền bồi thường do làm thất thoát hàng hóa chưa thanh toán là 7.191.510.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 30/12/2016 theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/ năm là 1.806.866.887 đồng. Tổng cộng vốn và lãi được làm tròn là 8.998.376.000 đồng, trả hết khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Đại diện Bị đơn trình bày:***

Công ty V xác nhận có ký kết với Công ty A Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 92/HĐVCHH ngày 09/9/2010 như lời trình bày của Công ty A.

Công ty V xác nhận là có nhận vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng theo đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn.

Ny Công ty V thừa nhận có nhận hàng hóa từ Công ty A để vận chuyển giao cho những khách hàng theo bản kê chi tiết hàng hóa mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là đúng. Do không giao được hàng hóa cho các khách hàng vì sai địa chỉ nên bị đơn đã tự xử lý mà không giao trả lại hàng hóa Công ty A. Phía bị đơn thừa nhận lỗi và đồng ý bồi thường cho Công ty A. Theo bản đối chiếu công nợ lập ngày 14/3/2014 thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền mà bị đơn phải trả để bồi thường giá trị hàng hóa bị mất cho Công ty A là 7.191.510.000 đồng.

Công ty V xác nhận sự việc làm mất hàng hóa của Công ty A không liên quan đến ông Võ Đông T và ông Cao Thanh L nên việc Công ty A yêu cầu ông T và ông L liên đới cùng với Công ty V trả cho Công ty A là không đúng. Nếu Công ty A cho rằng ông L và ông T có liên quan thì phải tự cung cấp cho Tòa án chứng cứ là những văn bản có chữ ký xác nhận trách nhiệm của ông L, ông T đối với yêu cầu của Công ty A. Công ty V xác định ông L, ông T không liên quan, không có trách nhiệm liên đới đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty V không biết cô B, cô N là ai, cũng không liên quan nên đề nghị Tòa án không triệu tập cô B, cô N tham gia tố tụng trong vụ án này.

Công ty V xác định vợ ông Võ Đông T và vợ ông Cao Thanh L không liên quan gì đến vụ án, không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nêu trên nên đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông Võ Đông T và vợ ông Cao Thanh L trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa những người này vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Đào Minh Tân (Đại diện bị đơn) vẫn giữ ý kiến đã trình bày như nêu trên. Đồng thời, ông Tân cũng trình bày thêm như sau: Công ty V xác định không có ký nhận hay hợp tác gì với ông L, ông T, không có nhận bất cứ hóa đơn xuất hàng, giao hàng theo đơn hàng do ông L, ông T ký để giao hàng cho các khách hàng theo sự chỉ đạo của ông L, ông T. Công ty V chỉ thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng theo các văn bản, lệnh xuất hàng của Công ty A ký chứ không phải làm theo lệnh của bất cứ

nhân viên nào của Công ty A. Công ty V xác định không biết và không có tiếp xúc với ông L, ông T. Đối với yêu cầu của phía Công ty A yêu cầu thanh toán tiền bồi thường hàng hóa bị thất thoát thì phía bị đơn đồng ý nhưng do hiện nay Công ty V hoạt động không hiệu quả, chưa có khả năng thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty A nên đề nghị không tính lãi chậm thanh toán và đề nghị cho bị đơn trả hết số tiền trên trong thời hạn 5 năm. Công ty V xác định ông L và ông T không liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng giữa Công ty V và Công ty A.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Cao Thanh L trình bày:***

Ông L xác định không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa hai bên Công ty A và Công ty V. Việc hai bên này yêu cầu Tòa án triệu tập ông L tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Ông L yêu cầu Tòa án không triệu tập ông tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty A và Công ty V là hoàn toàn không có liên quan gì đến ông. Ông L không tham gia ký kết hợp đồng cũng như không thực hiện bất cứ điều khoản nào của hợp đồng.

Ông L trình bày, tại thời điểm khi ông L còn làm việc tại Công ty A thì hàng hóa ra khỏi nhà máy đều phải được sự chấp thuận của Tổng Giám đốc Công ty A và Phòng Tài chính của công ty này. Ông L hoàn toàn không có quyền hành quyết định việc cho phép xuất kho hàng hóa, cũng như không hề hưởng lợi gì từ hoạt động hay thực hiện hợp đồng giữa Công ty A với Công ty V.

Ông L trình bày quy trình bán hàng ở công ty khi ông còn làm việc tại Công ty A là như sau: Ông L là nhân viên bán hàng và sau này là người phụ trách nhóm bán hàng khu vực Cần Thơ. Khi có khách hàng đặt hàng thì ông L có trách nhiệm kiểm tra thông tin khách hàng rồi viết báo cáo về công ty. Tổng giám đốc là ông Carlos và Giám đốc Tài chính là ông Thiên kiểm tra lại thông tin từ ông L rồi Tổng giám đốc ký lệnh giao cho bộ phận kho để xuất hàng giao cho công ty vận chuyển giao hàng cho khách hàng. Trong trường hợp khách hàng có thanh toán tiền hay trả hàng đều trả trực tiếp cho công ty mà không thông qua ông L. Nay công ty cho rằng người mua hàng không trả tiền hàng hay hàng hóa bị mất mà khởi kiện công ty vận chuyển và buộc ông L cùng ông T liên đới bồi thường cho công ty là vô lý vì ông và ông T không có trách nhiệm gánh chịu thiệt hại khi khách hàng không thanh toán tiền hàng hay làm mất hàng, việc ra lệnh xuất kho là thẩm quyền của Tổng giám đốc. ông L và ông T hoàn toàn không có ký lệnh xuất kho.

Tại Biên bản phiên họp ngày 05/10/2016 ông L đề nghị Công ty A cung cấp cho ông và Tòa án bản quyết định hay thỏa thuận giữa ông L với công ty là hàng hóa khi ra khỏi kho của công ty bắt buộc ông L phải chịu trách nhiệm thu tiền hay trách nhiệm đối với đơn hàng hay qui định ông L phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi công ty không thu được tiền hoặc hàng bị mất, tuy nhiên, công ty xác định không cung cấp được. Vì vậy, ông L cho rằng Công ty A

không có cơ sở ràng buộc trách nhiệm của ông và sự việc thể hiện ông L và ông T hoàn toàn không liên quan gì và không có trách nhiệm gì đối với thiệt hại của công ty.

Ông L xác định sự việc tranh chấp giữa hai bên công ty là không liên quan gì đến vợ ông L. Ông L yêu cầu Tòa án không triệu tập ông và vợ ông tham gia vụ án này.

Đối với các chứng cứ mà Công ty A đã cung cấp cho Tòa án thì ông L có ý kiến như sau:

Theo bảng kê của Công ty A ngày 14/3/2013 và các hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp cho rằng toàn bộ nội dung trong bản kê hàng hóa không liên quan đến trách nhiệm của ông L vì số hàng hóa này đã được Công ty V vận chuyển xử lý bán hàng mà không thanh toán lại cho phía Công ty A.

Đối với Bản kê chi tiết hóa đơn bán hàng do Công ty A lập và các hóa đơn hóa trị gia tăng mà Công ty A đã nộp cho Tòa án, nguyên đơn cho rằng là chứng cứ yêu cầu ông L có liên đới trả số tiền bồi thường là không có căn cứ, vì ông L không có thẩm quyền quyết định xuất những đơn hàng cho những khách hàng theo bản liệt kê mà nguyên đơn cung cấp. Các chứng từ là hóa đơn giá trị gia tăng và lệnh xuất kho đều không có chữ ký của ông L nên ông L không có trách nhiệm bồi thường cho Công ty A. Trường hợp Công ty A cung cấp được văn bản chứng minh có thỏa thuận cho phép ông L được quyết định xuất hàng hoặc văn bản thỏa thuận ông L phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa do công ty bán cho khách hàng hoặc giao cho bên vận chuyển thì ông L chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, tính đến ngày 16/11/2016 nguyên đơn không cung cấp được các chứng từ liên quan đến trách nhiệm của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông L chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông L cho rằng những nhiệm vụ công việc của ông và ông T khi còn làm việc tại Công ty A có hai nhân viên khác là cô B và cô N biết (không nhớ họ tên). Tuy nhiên, ông L đề nghị Tòa án không triệu tập cô B và cô N tham gia vụ án vì không liên quan.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- Ông Võ Đông T trình bày:***

Ông T thống nhất với lời trình bày của ông Cao Thanh L.

Ông T xác định là ông không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa hai bên Công ty A và Công ty V. Việc Công ty A yêu cầu Tòa án triệu tập ông T tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Ông T yêu cầu Tòa án không tiếp tục triệu tập ông T tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2016/KDTM-ST ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc buộc Công ty Cổ phần Ô tô V phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền trị giá hàng hóa bị thất thoát.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc yêu cầu ông Cao Thanh L và ông Võ Đông T cùng với Công ty Cổ phần Ô tô V liên đới có trách nhiệm thanh toán số tiền trị giá hàng hóa bị thất thoát.

Buộc Công ty Cổ phần Ô tô V có trách nhiệm thanh toán số tiền chưa thanh toán bao gồm vốn và lãi, tổng cộng là 8.975.398.534 đồng (tám tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) cho Công ty TNHH A, trả hết khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần Ô tô V còn phải tiếp tục trả lãi cho Công ty TNHH A theo mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành xong khoản tiền đã nêu trên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Ô tô V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.975.398 đồng (một trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.615.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AC/2011/08916 ngày 11/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/02/2017, Công ty V có đơn kháng cáo quá hạn với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Công ty A. Do đại diện pháp luật của Công ty V đi công tác xa dẫn đến việc kháng cáo quá hạn và được Tòa án nhân dân TP.HCM chấp nhận việc kháng cáo quá hạn theo Quyết định số 21/2017/QĐ-PT ngày 17/4/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Đinh Thị Quỳnh N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Luật sư Nguyễn Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Trần Thị Thúy Ái- phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận H thụ lý giải quyết tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa, giữa Công ty A với Công ty V là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo quá thời hạn luật định, nhưng được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn của Tòa án nhân dân TP.HCM chấp nhận việc kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 21/2017/QĐ-PT ngày 17/4/2017.

[2] Xét, trong hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm (đặc biệt là các tài liệu, chứng cứ quan trọng như “Đơn đặt hàng”; “Phiếu kiểm kê hàng hóa”; “Hóa đơn GTGT”, đều là bản photocopy không có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và tiêu mục 2.1 phần II Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐTP ngày 17/9/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “chứng minh và chứng cứ”. Trong các tài liệu chứng cứ nêu trên có nhiều tài liệu chứng cứ như “Phiếu kiểm kê hàng hóa” vừa có chữ đánh máy, vừa ghi thêm bằng bút bi nhưng không có ai xác nhận việc ghi thêm này. Ngoài ra, lời khai của các đương sự có nhiều mâu thuẫn chưa được cấp sơ thẩm cho đối chất làm rõ, đặc biệt lời khai của ông Nguyễn Đào Minh T trong việc xác nhận nợ cho bị đơn khi làm đại diện ủy quyền có đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn hay không trong lúc ông Tân là người trực tiếp tham gia vận chuyển hàng hóa cho nguyên đơn, để từ đó Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận việc ông Tân làm đại diện ủy quyền của bị đơn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa ông Nguyễn Đào Minh T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên của đương sự để giải quyết vụ án là không đúng pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp bổ sung được tài liệu, chứng cứ để khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Do vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy bản án sơ thẩm, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; được nhận lại tiền tạm ứng kháng cáo theo biên lai đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, Điều 308; Điều 310; Điều 313; Khoản 3, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2016/KDTM-ST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo đúng thủ tục sơ thẩm;

3. Công ty Cổ phần Ô tô V được nhận lại 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AG/2014/0004099 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, TP.HCM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Công Toại